CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE *GOLDEN GATE GROUP JOINT STOCK COMPANY*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM* **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Independence - Freedom – Happiness*
Số: 01/2025/BCQTCT-GGG *No:01/2025/BCQTCT-GGG*	Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2025 *Hanoi, 24 January 2025*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Năm 2024/ *Year 2024*)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: The State Securities Commission;

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate
  Name of company: Golden Gate Group JSC.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
  Address of head office: 60 Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi.
- Điện thoại/*Telephone*: 0243 722 6354 Fax: 0243 722 6352
- Email:
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 77.933.140.000 đồng
- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: Không có
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc
  Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện
  The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
01	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	27/06/2024	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 *Report on business results 2023 & proposal of business plan 2024* Phê duyệt báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 *Approval on activities of BOD in 2023* Phê duyệt báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của Công ty năm 2023 *Approval of audited separate & consolidated financial statement of 2023* Phê duyệt việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 *Approval on the selection of auditor for 2024 financial year* Phê duyệt kế hoạch chia cổ tức bằng tiền năm 2023 *Approval on the plan of distributing 2023 cash dividend* Phê duyệt việc giảm vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty do mua lại Cổ phiếu ESOP từ người lao động đã nghỉ việc *Approval on the decrease in charter capital of the Company and amendment to the Company's Charter as a result of ESOP redemption from employees who ceased to wrok at the Company* Phát hành Cổ phiếu ESOP cho người lao động có thành tích làm việc năm 2023 xuất sắc. *Issuance of ESOP Shares for employees with outstanding 2023 performance.* Phát hành Cổ phiếu ESOP cho người lao động có thành tích làm việc năm 2023 xuất sắc từ nguồn cổ phiếu quỹ *Issuance of ESOP Shares for employees with outstanding 2023 performance from the treasury shares pool.*

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
			Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ESOP cho mục đích trao thưởng cho các nhân sự chủ chốt của các dự án trọng điểm, thu hút và giữ chân nhân tài *Approves the ESOP issuance plan for key employees of important projects, talent acquisition and retention* Sửa đổi điều khoản xử lý cổ phiếu ESOP trường hợp nhân viên nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của các đợt phát hành ESOP trước đây *Adjust the treatment of ESOP Shares of employees who leaves during the lock-up period to the conditions of the previous ESOP issuances* Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị với bà Đào Phương Lan
			Dismissal of Mrs. Dao Phuong Lan as a member of the Board of Directors Bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Vũ làm thành viên Hội đồng quản trị *Appointment of Mr. Nguyen Anh Vu as a member of the Board of Directors.* Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ công ty, sửa đổi điều lệ công ty tương ứng theo kết quả của đợt phát hành *Plan of distributing stock dividend and increase of charter capital and amendment of the company's charter according to the result of issuance* Thù lao của Hội đồng quản trị *Remuneration of the BOD* Thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của Công ty. *Notice of the list of related parties & related benefits of the Company* Thông báo về các nội dung đã được ĐHĐCĐ nhưng chưa được thực hiện

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
			Notice of content approved by the GMS but has not yet been executed Giao triển khai nghị quyết *Assignment to implement the Resolution*
02	02/2024/NQ-ĐHĐCĐ	30/12/2024	Điều chỉnh kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt *Adjust the plan of distributing 2023 cash dividend* Phê duyệt việc sửa đổi điều lệ Công ty *Approval on the adjustment of the Company charter* Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh *Supplement of new business lines of the Company*

II. Hội đồng quản trị /*Board of Directors:*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

STT *No.*	Thành viên HĐQT/ *Board of Directors' members*	Chức vụ/ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors*	
			Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal*
1.	Ông/*Mr* Trần Việt Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị *BOD Chairman*		
2.	Ông/*Mr* Đào Thế Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị *BOD members*		
3.	Ông/*Mr* Nguyễn Xuân Tường	Thành viên Hội đồng quản trị *BOD members*		
4.	Ông/*Mr.* Dickson Loo Tit Choon	Thành viên HĐQT *BOD Members*	Bổ nhiệm ngày 15/03/2022 *Appointed on 15th March 2022*	

5.	Ông/*Mr.* Nguyễn Anh Vũ	Thành viên HĐQT *BOD Members*	Bổ nhiệm ngày 27/06/2024 *Appointed on June 27th 2024*	
6.	Bà/*Ms* Đào Phương Lan	Thành viên HĐQT *BOD Members*	Bổ nhiệm ngày 30/06/2022 *Appointed on 30th June 2022*	Miễn nhiệm ngày 27/06/2024 *Dismissed on 27th June 2024.*

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors:*

STT *No.*	**Thành viên HĐQT/** ***Board of Director' member***	**Số buổi họp HĐQT tham dự** ***Number of meetings attended by Board of Directors***	**Tỷ lệ tham dự họp** ***Attendance rate***	**Lý do không tham dự họp** ***Reasons for absence***
1.	Ông/*Mr* Trần Việt Trung	19 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản *19 meetings/written opinion collection*	100%	Không có *None*
2.	Ông/*Mr* Đào Thế Vinh	19 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản *19 meetings/written opinion collection*	100%	Không có *None*
3.	Ông/*Mr* Nguyễn Xuân Tường	19 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản *19 meetings/written opinion collection*	100%	Không có *None*
4.	Ông/*Mr.* Dickson Loo Tit Choon	19 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản *19 meetings/written opinion collection*	100%	Không có *None*
5.	Ông/*Mr.* Nguyễn Anh Vũ	10 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản *10 meetings/written opinion collection*	100%	Chưa bổ nhiệm *Not yet appointed*
6.	Bà/*Ms* Đào Phương Lan	9 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản	100%	Không có *None*

		9 meetings/written opinion collection		

3. **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:***

Ban Giám đốc và các cấp quản lý đã triển khai các công việc theo quy định tại Điều lệ, các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các công việc khác trong phạm vi thẩm quyền/*The Board of Management and management team implemented in accordance with regulations of Company Charter, GMS & BOD Resolutions and other tasks within its authorization scopes, in which:*

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2024 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
  Preparing business plan 2024 to be submitted for the AGM's approval
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2023.
  Conducting independent audit on the Financial Statement 2023
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro
  Enhancing management & risk control activities
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ở cả khối văn phòng và khối nhà hàng để nâng cao trải nghiệm khách hàng, thực hiện sứ mệnh "Nhân viên hạnh phúc, khách hàng hài lòng"
  Continue to update & improve information technology system at office level as well as restaurant level to enhance customer experiences, fulfilling the mission of "Happy employees, pleased customers"
- Thực hiện chi trả nốt cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 cho cổ đông.
  Implement the payment of remaining cash dividend of 2022 for shareholders.

4. **Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):***

Tiểu ban Phát triển bền vững đã thực hiện các công việc trong phạm vi: (i) thiết lập các mục tiêu Phát triển bền vững ("mục tiêu ESG"); (ii) thực hiện các mục tiêu, nhận diện; (iii) phân tích các rủi ro có thể ảnh hưởng đến khả năng đạt được các mục tiêu ESG; và (iv) các công việc khác phát sinh nằm trong phạm vi mục đích hoạt động của Tiểu ban.

The ESG sub-committee has implemented tasks within the scope: (i) to advise the Board on Sustainable Development Goals ("ESG goals"); (ii) realization of ESG goals; (iii) identify and analyze risks, give warnings in advance of risks that may affect the Company's ability to achieve ESG objectives; and (iv) other tasks that arise within the scope of work of the Sub-committee.

5. **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2024/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors in Year 2024***

STT *No.*	**Số Nghị quyết/Quyết định** *Resolution/Decision No.*	**Ngày** *DD/MM/YYYY*	**Nội dung** *Content*	**Tỷ lệ thông qua** *Approval rate*
1.	01/2024/NQ-HĐQT	06/02/2024	Phê duyệt việc định giá tài sản góp vốn và tổng giá trị góp vốn vào Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate ("GGFoods")	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			Approves the valuation of assets used to make capital contribution and the total capital contribution to Golden Gate Foods Limited Company ("GGFoods")	
2.	02-1/2024/NQ-HĐQT	06/02/2024	Phê duyệt việc thành lập mới công ty con – Công ty TNHH Gather Village *Approval on establishment of a new subsidiary – Gather Village Limited Company*	100%
3.	02-2/2024/NQ-HĐQT	06/02/2024	Phê duyệt giao dịch công ty con mua lại tài sản từ bên liên quan, giao dịch mua hàng hóa giữa các công ty con *Approves the asset purchase of subsidiary from a related party, and the good purchase between subsidiaries.*	100%
4.	03-1/2024/NQ-HĐQT	01/04/2024	Phê duyệt việc chi trả nốt cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 *Approves the disbursement of the remaining 2022 cash dividend* Phê duyệt việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 *Approves the delay of Annual General Shareholder Meeting 2024* Phê duyệt việc giao dịch giữa Công ty và GGFoods *Approves the related party transactions between the Company and GGFoods*	100%
5.	03-2/2024/NQ-HĐQT	01/04/2024	Phê duyệt việc góp thêm vốn vào GGFoods	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			Approves additional capital contribution into GGFoods Phê duyệt việc thành lập chi nhánh GGFoods *Approves the establishment of branch GGFoods*	
6.	04/2024/NQ-HĐQT	09/04/2024	Phê duyệt phương án thoái vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng *Approves on the divestment of Golden Gate Construction and Trading JSC* Phê duyệt việc thành lập công ty con mới – Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate *Approves the establishment of new subsidiary – Golden Gate Construction Limited Company*	
7.	05-2/2024/NQ-HĐQT	27/05/2024	Phê duyệt việc mua lại cổ phiếu ESOP từ người lao động đã nghỉ việc *Approval on the redemption of ESOP shares from employees who ceased to work at the company*	100%
8.	05-3/2024/NQ-HĐQT	22/05/2024	Phê duyệt việc điều chỉnh phương án vay vốn ngân hàng và kí kết các hợp đồng sửa đổi liên quan *Approval on the amendment to bank loan plan and execute the relevant agreements*	100%
9.	05-4/2024/NQ-HĐQT	21/5/2024	Phê duyệt việc điều chỉnh phương án vay vốn ngân hàng và kí kết các hợp đồng sửa đổi liên quan *Approval on the amendment to bank loan plan and execute the relevant agreements*	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
10.	06/2024/NQ-HĐQT	05/06/2024	Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2024 *Approval on the 2024 Business Plan* Phê duyệt các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và ủy quyền cho CT HĐQT sửa đổi *Approval on the Annual General Shareholder Meeting 2024 and authorizes the Board Chairman to amend* Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2024 *Approves the CAPEX Plan for 2024*	100%
11.	08-1/2024/NQ-HĐQT	19/06/2024	Phê duyệt phương án vay vốn ngân hàng và kí kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp liên quan *Approval on the bank loan and execute the Facility Agreement and Mortgage Agreement*	100%
12.	08-2/2024/NQ-HĐQT	19/06/2024	Phê duyệt phương án vay vốn ngân hàng và kí kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp liên quan *Approval on the bank loan and execute the Facility Agreement and Mortgage Agreement*	100%
13.	09/2024/NQ-HĐQT	26/6/2024	Phê duyệt tài liệu họp ĐHĐCĐ điều chỉnh và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT điều chỉnh *Approves on the adjusted AGM documents and authorizes the Board Chairman to amend*	100%
14.	10-1.1/2024/NQ-HĐQT	9/7/2024	Phê duyệt việc sửa đổi điều lệ công ty con	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			Approval of the amendment of the Charter of subsidiaries Bổ nhiệm chức danh chủ tịch của các công ty con *Appointment of chairman positions of subsidiaries* Bổ nhiệm chức danh Người đại diện phần vốn góp của GGG tại các công ty con *Appointment of Representative of GGG's capital contribution of subsidiaries* Phê duyệt việc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng ("GGC") cho cá nhân vay *Approve of a loan between Golden Gate Construction and Trading JSC (GGC) and an individual*	
15.	10-1.2/2024/NQ-HĐQT	9/7/2024	Phê duyệt điều chỉnh phương án thoái vốn cổ phần tại GGC *Approve the amendment of the divestment at GGC*	100%
16.	10-2/2024/NQ-HĐQT	8/7/2024	Phê duyệt phương án vay vốn ngân hàng và kí kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp liên quan *Approval on the bank loan and execute the Facility Agreement and Mortgage Agreement*	100%
17.	10-3/2024/NQ-HĐQT	8/7/2024	Phê duyệt phương án vay vốn ngân hàng và kí kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp liên quan *Approval on the bank loan and execute the Facility Agreement and Mortgage Agreement*	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
18.	11-1/2024/NQ-HĐQT	19/8/2024	Phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH Golden Gate International (GGI) *Approval of establishment of Golden Gate International (GGI)* Phê duyệt các giao dịch bên liên quan giữa GGG và GGI với mục đích hoạt động kinh doanh thông thường và bình thường của 2 công ty *Approval of related party transactions between GGG and GGI with the purpose to support normal and ordinary business activities of the 2 companies*	100%
19.	11-2/2024/NQ-HĐQT	19/8/2024	Phê duyệt phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam (Sumibi) đồng thời phê duyệt việc sửa đổi điều lệ của Sumibi *Approve the capital injection into Sumibi Vietnam JSC (Sumibi) and approve the amendment to Sumibi's Charter to reflect the changes in the charter capital* Phê duyệt việc chuyển nhượng cổ phần của Sumibi giữa bà Nguyễn Thị Thanh Mai và ông Ihara Makoto *Approve the transfer of shares between Ms. Nguyen Thi Thanh Mai and Mr. Ihara Makoto* Phê duyệt việc Công ty mua thêm cổ phần Sumibi từ ông Ihara Makoto	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			Approve the Company to purchase additional shares from Mr. Ihara Makoto	
20.	12-2/2024/NQ-HĐQT	3/10/2024	Phương án phát hành Cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Điều 7, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ và việc triển khai thực hiện phương án. *Detailed Employee Stock Ownership Plan Shares issuance plan in accordance with Article 7, General Shareholder Meeting Resolution No. 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated 27 Jun 2024 and the execution of the issuance plan.* Phương án phát hành Cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Điều 8, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ và việc triển khai thực hiện phương án. *Detailed Employee Stock Ownership Plan Shares issuance plan in accordance with Article 8, General Shareholder Meeting Resolution No. 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated 27 Jun 2024 and the execution of the issuance plan.*	100%
21.	12-3/2024/NQ-HĐQT	2/12/2024	Phê duyệt phương án mua 99,98% vốn điều lệ của một công ty trong ngành thực phẩm và đồ uống *Approve the plan to acquire 99.98% share in a company in the food and beverage industry*	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
22.	13-1/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Phê duyệt việc dừng hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate tại Bình Thuận *Approve the termination of operation of Golden Gate Group JSC – Binh Thuan Branch*	100%
23.	13-2/2024/NQ-HĐQT	22/10/2024	Phê duyệt việc dừng hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate tại Phú Yên *Approve the termination of operation of Golden Gate Group JSC – Phu Yen Branch*	100%
24.	13-3/2024/NQ-HĐQT	8/11/2024	Phê duyệt việc dừng hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate tại Tây Ninh *Approve the termination of operation of Golden Gate Group JSC – Tay Ninh Branch*	100%
25.	13-4/2024/NQ-HĐQT	8/11/2024	Phê duyệt việc dừng hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate tại Long An *Approve the termination of operation of Golden Gate Group JSC – Long An Branch*	100%
26.	13-5/2024/NQ-HĐQT	8/11/2024	Phê duyệt việc dừng hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate tại Phu Tho *Approve the termination of operation of Golden Gate Group JSC – Phu Tho Branch*	100%
27.	14/2024/NQ-HĐQT	24/10/2024	Phê duyệt việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ("EY") hoặc chi nhánh của EY để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			Golden Gate và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate. *Approval of selection of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. (EY) or its branch to audit the separate and consolidated financial statements for the year 2024 of Golden Gate Group JSC and financial statements of Golden Gate Foods Co., Ltd.*	
28.	15/2024/NQ-HĐQT	31/10/2024	Thông qua việc bổ sung ngành nghề Tư vấn, Môi giới, Đấu giá Bất động sản, Đấu giá quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần The Concept House và sửa đổi Điều lệ tương ứng của The Concept House. *Approve the supplement of the new business lines of Real Estate Consulting, Brokerage, Auctioning and Auctioning of Land Use Rights for The Concept House JSC and amend the Charter of The Concept House accordingly.* Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của ông Hoàng Quốc Khánh tại The Concept House *Approve the dismissal of Mr. Hoang Quoc Khanh as the General Director of The Concept House* Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của ông Trần Việt Trung tại The Concept House. *Approve the appointment of Mr. Tran Viet Trung as General Director of The Concept House*	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			Thông qua việc thay đổi tên người đại diện theo pháp luật của The Concept House từ ông Hoàng Quốc Khánh sang ông Trần Việt Trung *Approve the amendment of the legal representative of The Concept House from Mr. Hoang Quoc Khanh to Mr. Tran Viet Trung*	
29.	16-2/2024/NQ-HĐQT	19/11/2024	Phê duyệt phương án vay vốn ngân hàng và kí kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp liên quan *Approval on the bank loan and execute the Facility Agreement and Mortgage Agreement*	100%
30.	16-3/2024/NQ-HĐQT	22/11/2024	Phê duyệt kết quả phát hành Cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động *Approve the result of issuance of the Employee Stock Ownership Plan Shares*	100%
31.	16-4/2024/NQ-HĐQT	20/11/2024	Phê duyệt việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong Quý 4/2024 *Approve the collection of shareholders' written opinions to pass the Resolution of the Company's General Meeting of Shareholders approving contents within the authorization of the GMS in Quarter 4 of 2024*	100%
32.	16-5/2024/NQ-HĐQT	17/12/2024	Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Thực phẩm	100%

STT *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *DD/MM/YYYY*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			Approve the construction of Food Factory	
33.	16-6/2024/NQ-HĐQT	1/12/2024	Thông qua việc tăng vốn của Công ty TNHH Tân Phong – Lại Yên *Approve the capital increase of Tan Phong – Lai Yen Co., Ltd* Thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty TNHH Tân Phong – Lại Yên *Approve the conversion of business type of Tan Phong – Lai Yen Co., Ltd.*	100%
34.	17/2024/NQ-HĐQT	24/12/2024	Thông qua việc tách Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate *To approve the plan to split Golden Gate Foods Company Limited*	100%
35.	18/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Thông qua hợp đồng cho vay với một doanh nghiệp *Approve to enter a loan contract with an enterprise*	100%
36.	19/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Thông qua hợp đồng cho vay với một doanh nghiệp *Approve to enter a loan contract with an enterprise*	100%

III. Ban điều hành/*Board of Management*

STT *No.*	Thành viên Ban điều hành *Members of Board of Management*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Trình độ chuyên môn *Qualification*	Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal*
1.	Ông/*Mr.* Đào Thế Vinh – Tổng Giám đốc/*CEO*	14/09/1972	Cử nhân Kỹ sư khí tượng *Bachelor of Meteorological Engineering*	01/07/2008	N/A

2.	Ông/*Mr.* Nguyễn Xuân Tường – Phó Tổng giám đốc/*Deputy CEO*	28/01/1972	Cử nhân Kinh tế *Bachelor of Economics*		N/A
3.	Bà/*Ms.* Nguyễn Phương Lan – Giám đốc tài chính/*CFO*	11/09/1978	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh *Msc of Buisness Administration*	01/07/2021	N/A

IV. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

Họ và tên *Name*	**Ngày tháng năm sinh** *Date of birth*	**Trình độ chuyên môn nghiệp vụ** *Qualification*	**Ngày bổ nhiệm** *Date of appointment*
Ông/*Mr* Nguyễn Mạnh Đức	02/07/1975	Cử nhân Kế toán *Bachelor of Accountancy*	01/01/2022

V. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã tham gia nhiều khóa đào tạo về quản trị Công ty.

In 2024, BOD members, CEO, and other managers has attended several training courses on corporate governance.

VI. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty tính đến 31/12/2024/*The list of affiliated persons of the public and transactions of affiliated persons of the Company until 31st Dec 2024*

1. **Danh sách về người có liên quan của công ty tính đến 31/12/2024/*The list of affiliated persons of the Company until 31st Dec 2024***

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
1.	Ông Đào Thế Vinh *Mr. Dao The Vinh*	Tổng Giám đốc / Thành viên HDQT/ Người đại diện theo pháp luật *General Director / Board Member/ Legal Representative*	-	-	09/04/2008 *09 April 2008*		Người nội bộ *Internal Person*
2.	Ông Trần Việt Trung *Mr. Tran Viet Trung*	Chủ tịch HDQT / Giám đốc Thương mại *Chairman / Commercial Director*	-	-	09/04/2008 *09 April 2008*		Người nội bộ *Internal Person*
3.	Ông Nguyễn Xuân Tường *Mr. Nguyen Xuan Tuong*	Thành viên HDQT/ Phó Tổng Giám Đốc *Board Member/ Deputy General Director*	-	-	09/04/2008 *09 April 2008*		Người nội bộ *Internal Person*
4.	Ông Dickson Loo Tit Choon *Mr. Dickson Loo Tit Choon*	Thành viên HDQT *Board Member*	-	-	29/01/2022 *29 January 2022*		Người nội bộ *Internal Person*
5.	Bà Đào Phương Lan *Mrs. Dao Phuong Lan*	Thành viên HDQT *Board Member*	-	-	Từ 30/06/2022 đến 27/06/2024 *From 30 June 2022 to 27 June 2024*		Người nội bộ *Internal Person*
6.	Ông Nguyễn Anh Vũ *Mr. Nguyen Anh Vu*	Thành viên HDQT *Board Member*	-	-	27/06/2024 *27 June 2024*		Người nội bộ *Internal Person*
7.	Bà Nguyễn Phương Lan *Mrs. Nguyen Phuong Lan*	Giám đốc tài chính *CFO*	-	-	01/07/2021 *1 July 2021*		Người nội bộ *Internal Person*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
8.	Ông Nguyễn Mạnh Đức *Mr. Nguyen Manh Duc*	Kế toán trưởng *Chief Accountant*	-	-	28/12/2021 *28 December 2021*		Người nội bộ *Internal Person*
9.	Ông Lê Quốc Tuấn *Mr. Le Quoc Tuan*	Trưởng Ban Pháp chế / Người được ủy quyền công bố thông tin *Head of Legal / Authorized spokesperson*	-	-	30/03/2019 *30 March 2019*		Người nội bộ *Internal Person*
10.	Bà Hoàng Thu Hương *Ms. Hoang Thu Huong*	Trưởng phòng Quan hệ cổ đông / Người phụ trách quản trị công ty *Investor Relation Manager / Person in charge of corporate governance*	-	-	17/11/2022 *17 November 2022*		Người nội bộ *Internal Person*
11.	Công ty Cổ phần Golden Gate Partners *Golden Gate Partners Joint Stock Company*	-	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 Bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi*	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No 10, Hoa Ma, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam*	19/06/2014 *19 June 2014*		Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty *Enterprises hold more than 10% of voting shares or stakes of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
12.	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) *Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho – Vinh Phuc Investment Company Limited)*	-	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *2500233937 issued on 29 October 2004 BRO-DPI Hanoi*	Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh Commune, Me Linh District, Hanoi Vietnam*	01/01/2020 *1 January 2020*		Công ty con *Subsidiary company*
13.	Công ty TNHH Tân Phong – Lại Yên *Tan Phong – Lai Yen Company Limited*	-	0104571417 cấp ngày 02/04/2010 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0104571417 issued on 02 April 2010 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*	01/06/2016 *1 June 2016*		Công ty con *Subsidiary company*
14.	Công ty TNHH Gather Village		0110630131 cấp ngày 23/02/2024 bởi phòng	Số 32 Ngõ 12, phố Đặng Thai Mai, Phường	23/02/2024 *23 February 2024*		Công ty con *Subsidiary company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
	Gather Village Company Limited		ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110630131 issued on 23 February 2024 by BRO-DPI Hanoi*	Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội *No. 32 Alley 12, Dang Thai Mai Street, Quang An Ward, Tay Ho District, Hanoi*			
15.	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam *Sumibi Vietnam JSC*	-	0110542767 cấp ngày 15/11/2023 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110542767 issued on 15 November 2023 by BRO-DPI Hanoi*	Số 551 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 551, Kim Ma street, Ngoc Khanh ward, Ba Dinh district, Hanoi city, Vietnam*	01/12/2023 *01 December 2023*		Công ty con *Subsidiary company*
16.	CTCP The Concept House *The Concept House Joint Stock Company*	-	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107729860 issued on 21 February 2017 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh*	21/02/2017 *21 February 2017*		Công ty con *Subsidiary company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
				Xuan District, Hanoi City, Vietnam			
17.	Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate *Golden Gate Construction Company Limited*		0110688621 cấp ngày 16/04/2024 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110688621 issued on 16 April 2024 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*	16/04/2024 *16 April 2024*		Công ty con *Subsidiary company*
18.	CTCP Golden Sakura *Golden Sakura Joint Stock Company*	-	0106863239 cấp ngày 28/05/2015 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội *0106863239 issued on 28 May 2015 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 1, tòa nhà Sunrise Building, D11 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *F1, Sunrise Building, D11 Cau Giay New*	28/05/2015 *28 May 2015*		Công ty con *Subsidiary company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
				Urban Area, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam			
19.	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots *Golden Gate Red Hots Company Limited*	-	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng DKKD – Sở KHDT TP HCM *0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City*	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam *7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Pham Van Dong, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam*	20/01/2017 *20 January 2017*		Công ty con *Subsidiary company*
20.	Công ty TNHH Golden Gate Franchise *Golden Gate Franchise Co., Ltd*	-	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng DKKD – Sở KHDT TP Hà Nội *0107647840 issued on 25 November 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 60, Giang Van Minh Street,*	25/11/2016 *25 November 2016*		Công ty con *Subsidiary company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
				Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam			
21.	Công ty TNHH giải pháp nguồn nhân lực Golden Stars (Tên cũ: Công ty TNHH MTV The Coffee Inn) *Golden Stars Human Resource Solutions Company Limited (Former name: The Coffee Inn Co., Ltd.)*	-	0107608351 cấp ngày 24/10/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107608351 issued on 24 October 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Lô 38H Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Lot 38H Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh Town, Me Linh District, Hanoi City, Vietnam*	24/10/2016 *24 October 2016*		Công ty con *Subsidiary company*
22.	Công ty TNHH Golden Gate International/ *Golden Gate International Co., Ltd*		0110823937 cấp ngày 27/08/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội/ *0110823937 issued on 27 August 2024 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh*	27/08/2024 *27 August 2024*		Công ty con *Subsidiary company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
				Xuan District, Hanoi City, Vietnam			
23.	CTCP Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng *Golden Gate Trading and Construction Joint Stock Company*	-	0107670504 cấp ngày 16/12/2016 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội *0107670504 issued on 16 December 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*	Từ 16/12/2016 đến 09/07/2024 *From 16 December 2016 to 07 July 2024*		Công ty con *Subsidiary company*
24.	SELETAR INVESTMENTS PTE LTD	-	199100018G cấp ngày 03/01/1991 bởi Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp và Kế toán *199100018G issued on 03 January 1991 by Accounting and Corporate Regulatory Authority*	60B Orchard Road #06-18 The Atrium @ Orchard Singapore (238891)	15/03/2022 *15 March 2022*		Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty *Enterprises hold more than 10% of voting shares or stakes of the Company*
25.	Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	-	2901721473 cấp ngày 20/05/2014 bởi Phòng	Số 45, đường Quang Trung -	15/04/2015 *15 April 2015*		Công ty liên kết

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
	Golden Gate Vinh Company Limited		DKKD Sở KHĐT Tỉnh Nghệ An *2901721473 issued on 20 May 2014 by BRO- DPI Nghe An*	Phường Quang Trung - Thành phố Vinh - Nghệ An. *No 45 Quang Trung Ward, Vinh City, Nghe An*			*Associated company*
26.	CTCP Nội thất Golden Gate *Golden Gate Decoration Joint Stock Company*	-	0108172942 cấp ngày 06/03/2018 bởi Phòng DKKD – Sở KHĐT Hà Nội *0108172942 issued on 06 March 2018 by BRO-DPI Hanoi*	Số 2B1, Khu đô thị 54, Ngõ 85 phố Hạ Đình - Phường Thanh Xuân Trung - Quận Thanh Xuân - Hà Nội. *No 2B1, KĐT 54 Lane 85 Ha Dinh, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Hanoi*	Từ 20/03/2018 đến 09/07/2024 *From 20 March 2018 to 09 July 2024*		Công ty liên kết *Associated company*
27.	Hoàng Quốc Khánh		-	-	Từ 21/02/2017 đến 8/11/2024 *From 21 February 2017 to 08 November 2024*		Người đại diện theo pháp luật của Công ty con *Legal representative of the Subsidiary*
28.	Vũ Thị Phương		-	-	01/12/2023 *01 December 2023*		Chủ tịch HĐQT của Công ty con *BOD's Chairman of the Subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
29.	Phạm Cảnh Dương		-	-	Từ 16/12/2016 đến 09/07/2024 *From 16 December 2016 to 9 July 2024*		Người đại diện theo pháp luật của Công ty con *Legal representative of the Subsidiary*
Và các người có liên quan của người nội bộ được trình bày tại Mục 1, Điều VII trong báo cáo này *And related parties of internal person which is presented at Clause 1, Article VII of this report*							

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.***

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
1.	Ông Đào Thế Vinh *Mr. Dao The Vinh*	Tổng Giám đốc / Thành viên HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật	-	-	2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-DHDCD* Nghị quyết số	Chia cổ tức: 5.107.736.800 VND *Dividend paid:*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
		General Director / Board Member/ Legal Representative				03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*	*VND 5,107,736,800*	
2.	Ông Trần Việt Trung *Mr. Tran Viet Trung*	Chủ tịch HĐQT / Giám đốc Thương mại *Chairman / Commercial Director*	-	-	2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-DHDCD* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*	Chia cổ tức: 2.235.454.000 VND *Dividend paid: VND 2,235,454,000*	
3.	Ông Nguyễn Xuân Tường *Mr. Nguyen Xuan Tuong*	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc *Board Member/ Deputy General Director*	-	-	2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-DHDCD* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*	Chia cổ tức: 2.990.075.300 VND *Dividend paid: VND 2,990,075,300*	
4.	Bà Nguyễn Phương Lan *Mrs. Nguyen Phuong Lan*	Giám đốc tài chính *CFO*	-	-	2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-DHDCD* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*	Chia cổ tức: 114.300.000 VND *Dividend paid: VND 114,300,000*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
5.	Ông Lê Quốc Tuấn *Mr. Le Quoc Tuan*	Trưởng Ban Pháp chế / Người được ủy quyền công bố thông tin *Head of Legal / Authorized spokesperson*	-	-	2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HĐQT*	Chia cổ tức: 7.581.900 VND *Dividend paid: VND 7,581,900*	
6.	CTCP Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng *Golden Gate Trading And Construction Joint Stock Company*	Công ty con *Subsidiary*	0107670504 cấp ngày 16/12/2016 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội *0107670504 issued on 16 December 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT *Resolution No 16-1/2023/NQ-HĐQT*	Mua dịch vụ: 10.749.478.737 VND *Purchase of services: VND 10,749,478,737*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
7.	Công ty TNHH Golden Gate Franchise *Golden Gate Franchise Co., Ltd*	Công ty con *Subsidiary*	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107647840 issued on 25 November 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT *Resolution No 16-1/2023/NQ-HDQT*	Doanh thu bán hàng: 1.943.029.500 VND *Sale of goods: VND 1,943,029,500*	
							Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh: 4.832.208.000 VND *Profit from BCC: VND 4,832,208,000*	
							Doanh thu cung cấp dịch vụ: 1.762.971.845 VND *Sale of services: VND 1,762,971,845*	
							Thu nhập từ thanh lý tài sản: 13.189.926 VND *Disposal of assets: VND 13,189,926*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
8.	CTCP The Concept House *The Concept House Joint Stock Company*	Công ty con *Subsidiary*	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107729860 issued on 21 February 2017 by BRO-DPI Hanoi*	Số 32 Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 32 Lang Chua, Lang Thuong Ward, Dong Da District, Hanoi City, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 12-4/2022/NQ-HĐQT *Resolution No 12-4/2022/NQ-HDQT*	Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh: 1.505.000.000 VND *Share profit from BCC: VND 1,505,000,000*	
9.	Công ty TNHH giải pháp nguồn nhân lực Golden Stars *Golden Stars Human Resource Solutions Company Limited*	Công ty con *Subsidiary*	0107608351 cấp ngày 24/10/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107608351 issued on 24 October 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Lô 38H Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Lot 38H Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh Town, Me Linh District, Hanoi City, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 12-4/2022/NQ-HĐQT *Resolution No 12-4/2022/NQ-HDQT*	Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh: 1.263.000.000 VND *Share profit from BCC: VND 1,263,000,000*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
10.	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) *Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho – Vinh Phuc Investment Company Limited)*	Công ty con *Subsidiary*	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng DKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *2500233937 isued on 29 October 2004 BRO-DPI Hanoi*	Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh Commune, Me Linh District, Hanoi City, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT *Resolution No 01/2024/NQ-HDQT* Nghị quyết số 03-2/2024/NQ-HĐQT *Resolution No 03-2-2/2024/NQ-HDQT*	Góp vốn bằng tiền: 93.414.567.078 VND *Capital contribution in cash: 93,414,567,078 VND*	
							Chuyển khoản chi hộ thành vốn góp: 14.580.000.000 VND *Transfer of debt into capital contribution: 14,580,000,000 VND*	
							Góp vốn bằng tài sản: 17.772.780.041 VND *Capital contribution in assets: 17,772,780,041 VND*	
						Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT *Resolution No 16-1/2023/NQ-HDQT*	Doanh thu bán hàng: 395.048.481.677 VND *Sale of goods: VND*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
							395,048,481,677 Doanh thu cung cấp dịch vụ: *4,558,915,855* VND *Sale of services: VND 4,558,915,855* Mua hàng hóa: 472.432.960.783 VND *Purchase of goods: VND 472,432,960,783* Chi phí tư vấn quản lý: 38.533.440.330 VND *Consulting and management fees: VND 38,533,440,330* Thu nhập từ thanh lý tài sản: 20.133.883 VND *Disposal of assets: VND 20,133,883*	
11.	Công ty TNHH Gather Village *Gather Village Co., Ltd*	Công ty con *Subsidiary*	0110630131 cấp ngày 23/02/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110630131 issued on*	Số 32 ngõ 12, Phố Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội,	2024	Nghị quyết số 02-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No 02-1/2024/NQ-HDQT*	Góp vốn bằng tiền: 3.000.000.000 VND *Capital*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			23 February 2024 BRO-DPI Hanoi	Việt Nam *No. 32, Lane 12, Dang Thai Mai Street, Quang An Ward, Tay Ho District, Hanoi City, Vietnam*			*contribution in cash: 3,000,000,000 VND*	
						Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT *Resolution No 16-1/2023/NQ-HDQT*	Doanh thu bán hàng: 1.217.723.607 VND *Sale of goods: VND 1,217,723,607*	
							Doanh thu cung cấp dịch vụ: 243.942.236 VND *Sale of services: VND 243,942,236*	
							Thu nhập từ thanh lý tài sản: 78.590.764 VND *Disposal of assets: VND 78,590,764*	
12.	Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate *Golden Gate Construction Co., Ltd*	Công ty con *Subsidiary*	0110688621 cấp ngày 23/02/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110630131 isued on 16 April 2024 BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh	2024	Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT *Resolution No 04/2024/NQ-HDQT*	Góp vốn bằng tiền: 3.000.000.000 VND *Capital contribution in cash:*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
				Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. *Floor 6, Building 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*			*3,000,000,000 VND*	
						Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT *Resolution No 16-1/2023/NQ-HDQT*	Mua dịch vụ: 711.158.681 VND *Purchase of services: VND 711,158,681*	
13.	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam *Sumibi Vietnam JSC*	Công ty con *Subsidiary*	0110542767 cấp ngày 15/11/2023 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110542767 issued on 15 November 2023 by BRO-DPI Hanoi*	Số 551 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 551, Kim Ma street, Ngoc Khanh ward, Ba Dinh district, Hanoi city, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT *Resolution No 16-1/2023/NQ-HDQT*	Doanh thu bán hàng: 7.826.358.679 VND *Sales of goods: VND 7,826,358,679*	
							Doanh thu cung cấp dịch vụ: 2.756.313.370 VND *Sale of services: VND 2,756,313,370*	
							Mua hàng hóa: 948.975.430 VND *Purchase of goods: VND 948,975,430*	
							Thu nhập từ thanh lý tài sản: 112.826.673 VND	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
							Disposal of assets: VND 112,826,673 Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh: 2.905.620.417 VND *Profit from BCC: VND 2,905,620,417*	
14.	CTCP Golden Gate Partners *Golden Gate Partners Joint Stock Company*	Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty *Enterprises hold more than 10% of voting shares or stakes of The Company*	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi*	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No 10, Hoa Ma, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HĐQT*	Chia cổ tức: 42.871.263.000 VND *Dividend paid: VND 42,871,263,000*	
15.	SELETAR INVESTMENTS PTE LTD	Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty *Enterprises hold more than 10% of voting shares or stakes of The Company*	199100018G cấp ngày 03/01/1991 bởi Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp và Kế toán *199100018G issued on 03 January 1991 by Accounting and Corporate Regulatory Authority*	60B Orchard Road #06-18 The Atrium @ Orchard Singapore (238891)	2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HĐQT*	Chia cổ tức: 19.553.021.600 VND *Dividend paid: VND 19,553,021,600*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
16.	Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh *Golen Gate Vinh Company Limited*	Công ty liên kết *Associate*	2901721473 cấp ngày 20/05/2014 bởi Phòng ĐKKD Sở KHĐT Tỉnh Nghệ An *2901721473 issued on 20 May 2014 by BRO- DPI Nghe An*	Số 45, đường Quang Trung - Phường Quang Trung - Thành phố Vinh - Nghệ An *No 45 Quang Trung Ward, Vinh City, Nghe An*	2024	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT *Resolution No 16-1/2023/NQ-HĐQT*	Doanh thu bán hàng: 11.302.148.282 VND *Sale of goods: VND 11,302,148,282*	
							Thu nhập từ phí nhượng quyền: 1.782.551.095 VND *Franchise income: VND 1,782,551,095*	
							Thu nhập từ thanh lý tài sản: 18.058.950 VND *Disposal of assets: VND 18,058,950*	
17.	Hoàng Thu Hương *Mrs. Hoang Thu Huong*	Người phụ trách quản trị Công ty *Person in charge of corporate governance*			2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HĐQT*	Chia cổ tức: 2.019.300 VND *Dividend paid: VND 2,019,300*	
18.	Nguyễn Phương Ly *Mrs. Nguyen Phuong Ly*	Em gái Giám đốc Tài chính *Sister of CFO*			2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ* Nghị quyết số	Chia cổ tức: 8.648.700 VND *Dividend paid: VND 8,648,700*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
						03-1/2024/NQ-HDQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*		
19.	Trần Lê Hồng Vân *Mrs Tran Le Hong Van*	Em gái chủ tịch HĐQT *BOD Chairman Sister*			2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-DHDCD* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HDQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*	Chia cổ tức: 123.672.600 VND *Dividend paid: VND 123,672,600*	
20.	Đào Nhật Quang *Mr. Dao Nhat Quang*	Anh trai Tổng Giám đốc *CEO brother*			2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-DHDCD* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HDQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*	Chia cổ tức: 190.500.000 VND *Dividend paid: VND 190,500,000*	
21.	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots *Golden Gate Red Hots Company Limited*	Công ty con *Subsidiaries*	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM *0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City*	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam *7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Pham Van Dong, Hiep*	2024	Nghị quyết số 10-3/2023/NQ-HDQT *Resolution No 10-3/2023/NQ-HDQT*	Cho mượn mặt bằng: 0 VND *Lend office space: 0 VND*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
				Binh Chanh Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam				
22.	Công ty TNHH Golden Gate International *Golden Gate International Company Limited*	Công ty con *Subsidiaries*	0110823937 cấp ngày 27/08/2024 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110823937 issued on 27 August 2024 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. *Floor 6, Building 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*	2024	Nghị quyết số 11-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No 11-1/2024/NQ-HDQT*	Góp vốn bằng tiền: 1.000.000.000 VND *Capital contribution in cash: 1,000,000,000 VND*	
23.	Hoàng Quốc Khánh *Mr. Hoang Quoc Khanh*	Người đại diện pháp luật của Công ty con *Legal Representative of subsidiary*			2024	Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 02/2023/NQ-DHDCD* Nghị quyết số 03-1/2024/NQ-HĐQT *Resolution No. 03-1/2024/NQ-HDQT*	Chia cổ tức: 16.535.400 VND *Dividend paid: VND 16,535,400*	
24.	Phạm Cảnh Dương *Mr. Pham Canh Duong*	Người đại diện pháp luật của Công ty con			2024	Hợp đồng	Lãi cho vay: 31.623.699 VND *Interest income: VND 31,623,699*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
		Legal Representative of subsidiary					Thu hồi khoản cho vay: 840.000.000 VND *Loan collection: VND 840,000,000*	
							Thu lãi cho vay: 138.080.685 VND *Interest collection: VND 138,080,685*	
							Chuyển nhượng cổ phần: 1.710.000.000 VND *Share transfer: VND 1,710,000,000*	

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.***

STT *No.*	Tên tổ chức *Name of organization*	Mối quan hệ liên quan với người nội bộ *Relationships with internal person*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution No. or Decision No.*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
1.	Công ty TNHH Vostochnyi-Alyans Việt Nam *Vostochnyi-Alyans Vietnam Co., Ltd*	Ông Đào Thế Vinh là Chủ tịch HĐQT *Mr. Dao The Vinh is Chairman*	0105934582 cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội *0105934582 issued on July 4th 2012 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. *Floor 6, Building 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam.*	2024	Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) – công ty con của công ty *BCC contract with Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho – Vinh Phuc Investment Company Limited)- Company's subsidiary*	Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh cho Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate: 704.743.200 VNĐ *Share profit from BCC contract with Golden Gate Foods Company Limited: VND 704,743,200*	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

STT *No.*	Tên tổ chức *Name of organization*	Mối quan hệ liên quan với người nội bộ *Relationships with internal person*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution No. or Decision No.*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
1.	CTCP Two Kings Invest *Two Kings Invest Joint Stock Company*	Ông Đào Thế Vinh là Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật *Mr. Dao The Vinh is Director/ Legal representative*	0107600793 cấp ngày 17/10/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107600793 issued on 17 October 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số nhà 43, lô đất TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội *No 43, lô đất TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi*	2024	Hợp đồng mua bán *Sale contract*	Nhận chuyển nhượng nhận hiệu: 50.000.000 VNĐ *Buy trademark: VND 50.000.000*	

2.	CTCP Thực phẩm W&E *W & E Food Joint Stock Company*	Ông Đào Thế Vinh là Chủ tịch HĐQT *Mr. Dao The Vinh is Chairman*	0107343546 cấp ngày 04/03/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107343546 issued on 04 March 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số 105A nhà F6 Khu tập thể Xà Phòng, Đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội. *No 105A, F6, KTT Xa Phong, Nguyen Trai, Thuong Dinh Thanh Xuan, Hanoi*	2024	Hợp đồng mua bán *Sale contract*	Mua hàng hóa: 226.846.100 VNĐ *Purchase of goods: VND 226,846,100*	

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

STT *No.*	**Tên tổ chức** *Name of organization*	**Mối quan hệ liên quan với người nội bộ** *Relationships with internal person*	**Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp** *NSH No.*, date of issue, place of issue*	**Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ** *Address*	**Thời điểm giao dịch với công ty** *Time of transactions with the Company*	**Số Nghị quyết/Quyết định** *Resolution No. or Decision No.*	**Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch** *Content, quantity, total value of transaction*	**Ghi chú** *Note*
1.	CTCP Lychee *Lychee Joint Stock Company*	Bà Phan Thị Lan Hương (vợ) là Ông Đào Thế Vinh là Tổng giám đốc / Người đại diện theo pháp luật *Ms. Phan Thi Lan Huong (Mr. Dao The Vinh's wife) is the General Director / Legal representative*	0107465512 cấp ngày 07/06/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107465512 issued on 07 June 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, số 144 phố Đội Cấn - Phường Đội Cấn - Quận Ba Đình - Hà Nội. *F6, No 144 Doi Can, Doi Can Ward, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam*	2024	Hợp đồng mua bán *Sale contract*	Mua hàng hóa: 546.470.195 VNĐ *Purchase of good: VND 546,470,195*	

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

Không có/*None*

VII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
1.	**Ông Đào Thế Vinh** *Mr. Dao The Vinh*		**Tổng Giám đốc / Thành viên HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật** *General Director / Board Member/ Legal Representative*	-	-	**440.009**	**5,65%**	-
1.1.	Phan Thị Lan Hương *Mrs. Phan Thi Lan Huong*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Vợ *Wife*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
1.2.	Đào Việt Quân *Dao Viet Quan*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con đẻ *Son*
1.3.	Đào Nhật Nam *Dao Nhat Nam*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con đẻ *Son*
1.4.	Đào Thế Anh *Dao The Anh*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con đẻ *Son*
1.5.	Đào Nhật Quang *Mr. Dao Nhat Quang*		Không. *None.*	-	-	15.000	0,19%	Anh ruột *Brother*
1.6.	Phan Thu Hương *Mrs. Phan Thu Huong*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Chị dâu *Sister in law*
1.7.	Phan Thanh Vượng *Mr. Phan Thanh Vuong*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Bố vợ *Father-in-law*
1.8.	Trịnh Thị Lan		Không.	-	-	0	0%	Mẹ vợ

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mrs. Trinh Thi Lan		*None.*					*Mother-in-law*
1.9.	Trần Thị Bạch Yến *Mrs. Tran Thi Bach Yen*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Mẹ đẻ *Mother*
1.10.	Công ty TNHH Bất động sản Bạch Dương *Bach Duong Real Estate Company Limited*		Tổng Giám đốc / Người đại diện theo pháp luật *General Director / Legal Representative*	0106032097 cấp ngày 12/11/2012 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0106032097 issued on 12 November 2012 by BRO-DPI Hanoi*	8 Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No 8 Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho, Hai Ba Trung, Hanoi Vietnam*	0	0%	Sở hữu một phần vốn góp *Owning a portion of capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
1.11.	CTCP Phát triển sản xuất và Thương mại Hoàng Ân *Hoang An Production Development and Trade Joint Stock Company*		Không. *None.*	0104785962 cấp ngày 07/07/2010 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0104785962 issued on 07 July 2010 by BRO-DPI Hanoi*	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam*	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*
1.12.	CTCP Thực phẩm W&E *W & E Food Joint Stock Company*		Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD*	0107343546 cấp ngày 04/03/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107343546 issued on 04*	Số 105A nhà F6 Khu tập thể Xà Phòng, Đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				March 2016 by BRO-DPI Hanoi	Xuân - Hà Nội. *No 105A, F6, KTT Xa Phong, Nguyen Trai, Thuong Dinh Thanh Xuan, Hanoi*			
1.13.	CTCP Quince Việt Nam *Quince Vietnam Joint Stock Company*		Không *None*	0107275705 cấp ngày 31/12/2015 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107275705 issued on 31 December 2015 by BRO-DPI Hanoi*	Số 11, ngách 9/2 Đặng Thai Mai - Phường Quảng An - Quận Tây Hồ - Hà Nội. *No 11, Lane 9/2 Dang Thai Mai, Quang An, Tay Ho, Hanoi*	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*
1.14.	CTCP Two Kings Invest		Chủ tịch HĐQT/Giám đốc/	0107600793 cấp ngày 17/10/2016	Số nhà 43, lô đất TT4, khu	0	0%	Sở hữu cổ phần

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Two Kings Invest Joint Stock Company		Người đại diện theo pháp luật. *BOD's Chairman/ Director/ Legal representative*	bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107600793 issued on 17 October 2016 by BRO-DPI Hanoi*	tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội *No 43, lô đất TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi*			*Owning shares*
1.15.	CTCP Thế giới di động *Mobile World Joint Stock Company*		Thành viên độc lập HĐQT *Board Member*	0303217354 cấp ngày 05/04/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0303217354 issued on 05 April 2004 by*	128 Trần Quang Khải - Phường Tân Định - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh. *No 128 Tran Quang Kahi, Tan Dinh*	0	0%	-

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				BRO-DPI HCM City	*Ward, District 1, HCM City*			
1.16.	CTCP Golden Gate Partners *Golden Gate Partners Joint Stock Company*		Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD*	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội *0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi*	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. *No. 10, Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam.*	2.300.000	29,51%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*
1.17.	CTCP Lychee *Lychee Joint Stock Company*		Bà Phan Thị Lan Hương (vợ) là Tổng giám đốc /	0107465512 cấp ngày 07/06/2016 bởi Phòng	Tầng 6, số 144 phố Đội Cấn - Phường Đội Cấn - Quận	0	0%	-

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
			Người đại diện theo pháp luật *Ms. Phan Thi Lan Huong (wife) is the General Director / Legal representative*	ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107465512 issued on 07 June 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Ba Đình - Hà Nội. *F6, No 144 Doi Can, Doi Can Ward, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam*			
1.18.	Công ty TNHH Two Kings Distribution *Two Kings Distribution Co., Ltd*		Chủ tịch Công ty *Chairman*	0107655545 cấp ngày 05 tháng 12 năm 2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội *0107655545 issued on December 12th 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 1, số nhà 43, lô đất số TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam. *1st floor, house number 43, land lot number TT4,*	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp *Indirectly owning capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					resettlement area 7.3 and 8.1, My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, City. Hanoi Vietnam.			
1.19.	Công ty TNHH Two Kings – Services *Two Kings – Services Company Limited*		Chủ tịch Công ty *Chairman*	0109186017 cấp ngày 18 tháng 5 năm 2020 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội *0109186017 issued on May 18th 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số 1 Ngách 3/11 Phố Phạm Tuấn Tài, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam *No. 1 Lane 3/11 Pham Tuan Tai Street, Dich Vong Hau*	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp *Indirectly owning Capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					Ward, Cau Giay District, City. Hanoi Vietnam			
1.20.	Công ty TNHH Vostochnyi-Alyans Việt Nam *Vostochnyi-Alyans Vietnam Co., Ltd*		Chủ tịch Công ty *Chairman*	0105934582 cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội *0105934582 issued on July 4th 2012 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. *Floor 6, Building 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam.*	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp *Indirectly owning Capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
1.21	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) *Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho – Vinh Phuc Investment Company Limited)*		Người đại diện phần vốn góp *Representative of contributed capital*	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *2500233937 isued on 29 October 2004 BRO-DPI Hanoi*	Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh Commune, Me Linh District, Hanoi Vietnam*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
1.22	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots *Golden Gate Red Hots Company Limited*		Chủ tịch Công Ty/ *Company Chairman*	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM *0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City*	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam *7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Pham Van Dong, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
1.23	Công ty TNHH Golden Gate Franchise *Golden Gate Franchise Co., Ltd*		Giám đốc/ Đại diện theo pháp luật *Director/ Legal Representative*	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107647840 issued on 25 November 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam*	0	0%	
1.24	Công ty TNHH Golden Gate International/ *Golden Gate*		Chủ tịch Công ty/ Giám đốc/ Đại diện theo pháp luật/ Người đại diện phần vốn	0110823937 cấp ngày 27/08/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội/	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	International Co., Ltd		*Chairman/Director/ Legal representative/ Representative of contributed capital*	*0110823937 issued on 27 August 2024 by BRO-DPI Hanoi*	Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*			
2.	**Trần Việt Trung** ***Mr. Tran Viet Trung***		**Chủ tịch HĐQT / Giám đốc Thương mại** ***Chairman / Commercial Director***	-	-	**387.331**	**4,97%**	-
2.1.	Nguyễn Thị Thắng		Không. *None.*	-	-	250.000	3,21%	Vợ *Wife*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mrs. Nguyen Thi Thang							
2.2.	Trần Minh Hoàng *Mr. Tran Minh Hoang*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con *Son*
2.3.	Trần Minh Khôi *Mr. Tran Minh Khoi*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con *Son*
2.4.	Lê Thanh Vi *Mrs. Le Thanh Vi*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con dâu *Daughter-in-law*
2.5.	Lê Thị Long *Mrs. Le Thi Long*	-	Không. *None.*	-	-	0	0%	Mẹ đẻ *Mother*
2.6.	Trần Văn Bình *Mr. Tran Van Binh*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Bố đẻ *Father*
2.7.	Nguyễn Văn Phiêu		Không. *None.*	-	-	0	0%	Bố vợ *Father-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mr. Nguyen Van Phieu							
2.8.	Trần Lê Hồng Vân *Ms. Tran Le Hong Van*		Không. *None.*	-	-	7.538	0,10%	Em gái *Sister*
2.9.	Ngô Toàn Thắng *Mr. Ngo Toan Thang*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Em rể *Brother in law*
2.10.	Công ty TNHH Bất động sản Bạch Dương *Bach Duong Real Estate Company Limited*		Thành viên HĐTV *Board Member*	0106032097 cấp ngày 12/11/2012 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0106032097 issued on 12 November 2012 by BRO-DPI Hanoi*	8 Hỏa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No 8 Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho, Hai Ba Trung,*	0	0%	Sở hữu một phần vốn góp *Owning a portion of capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					Hanoi Vietnam			
2.11.	CTCP Phát triển sản xuất và Thương mại Hoàng Ân *Hoang An Production Development and Trade Joint Stock Company*		Thành viên HĐQT *Board Member*	0104785962 cấp ngày 07/07/2010 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0104785962 issued on 07 July 2010 by BRO-DPI Hanoi*	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam*	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*
2.12.	CTCP Golden Gate Partners *Golden Gate Partners Joint*		Đại diện theo pháp luật/ Thành viên HĐQT	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà	2.300.000	29,51%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Stock Company		*Legal representative/ Board Member*	*0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi*	Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. *No. 10, Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam.*			
2.13.	Công ty TNHH TVT Trading Brand *TVT Trading Brand Co., Ltd*		Giám đốc / Người đại diện theo pháp luật *Director / Legal representative*	0110332463 cấp ngày 24/04/2023 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội *0110332463 issued on 24 April 2023 by BRO-DPI Hanoi*	Số 66, ngõ 56 Vũ Miên, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 66, alley 56 Vu Mien, Yen Phu Ward, Tay Ho District,*	0	0%	Chủ sở hữu *Owner*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					Hanoi City, Vietnam			
2.14.	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) *Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho – Vinh Phuc Investment Company Limited)*		Chủ tịch Công ty/Người đại diện pháp luật *Company's Chairman/Legal Representative*	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *2500233937 isued on 29 October 2004 BRO-DPI Hanoi*	Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh Commune, Me Linh District, Hanoi Vietnam*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
2.15.	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam *Sumibi Vietnam JSC*		Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp *Legal Representative/ Representative of contributed capital*	0110542767 cấp ngày 15/11/2023 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110542767 issued on 15 November 2023 by BRO-DPI Hanoi*	Số 551 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 551, Kim Ma street, Ngoc Khanh ward, Ba Dinh district, Hanoi city, Vietnam*	0	0%	Từ 7/5/2024 *Since 7 May 2024*
2.16.	Công ty TNHH Gather Village *Gather Village Co., Ltd*		Chủ tịch Công ty/ Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp *Chairman/Legal Representative/ Representative of contributed capital*	0110630131 cấp ngày 23/02/2024 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110630131 issued on 23*	Số 32 Ngõ 12, phố Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				February 2024 by BRO-DPI Hanoi	*No. 32 Alley 12, Dang Thai Mai Street, Quang An Ward, Tay Ho District, Hanoi*			
2.17.	Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate *Golden Gate Construction Co., Ltd*		Chủ tịch Công ty/Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp *Company Chairman/Legal Representative/ Representative of contributed capital*	0110688621 cấp ngày 16/04/2024 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0110688621 issued on 16 April 2024 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh,*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam			
2.18.	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots *Golden Gate Red Hots Company Limited*		Đại diện phần vốn góp/ *Representative of contributed capital*	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM *0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City*	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam *7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Pham Van Dong,*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam			
2.19.	Công ty TNHH Golden Gate Franchise *Golden Gate Franchise Co., Ltd*		Chủ tịch Công ty/ Đại diện phần vốn góp *Company Chairman/ Representative of contributed capital*	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107647840 issued on 25 November 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
2.20.	Công ty TNHH Tân Phong – Lại Yên *Tan Phong – Lai Yen Company Limited*		Chủ tịch HĐTV/Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp *Chairman of BOM/ Legal Representative/ Representative of contributed capital*	0104571417 cấp ngày 02/04/2010 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0104571417 issued on 02 April 2010 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*	0	0%	Sở hữu một phần vốn góp *Owning a portion of capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
2.21.	CTCP The Concept House *The Concept House Joint Stock Company*	-	Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp *Legal Representative/ Representative of contributed capital*	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107729860 issued on 21 February 2017 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
3.	**Nguyễn Xuân Tường** ***Mr. Nguyen Xuan Tuong***		**Phó Tổng Giám đốc / Thành viên HĐQT** ***Deputy General Director / Board Member***	-	-	**849.629**	**10,90%**	-
3.1.	Bùi Thị Hồng Hạnh *Mrs. Bui Thi Hong Hanh*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Vợ *Wife*
3.2.	Nguyễn Khánh Linh *Nguyen Khanh Linh*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con *Daughter*
3.3.	Nguyễn Xuân Quang *Nguyen Xuan Quang*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con *Daughter*
3.4.	Đỗ Thị Hồng Yến		Không. *None.*	-	-	0	0%	Mẹ đẻ *Mother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mrs. Do Thi Hong Yen							
3.5.	Bùi Văn Thanh *Mr. Bui Van Thanh*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Bố vợ *Father-in-law*
3.6.	Nguyễn Thị Kiều Vân *Ms. Nguyen Thi Kieu Van*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Em ruột *Sister*
3.7.	Công ty TNHH Bất động sản Bạch Dương *Bach Duong Real Estate Company Limited*		Không. *None.*	0106032097 cấp ngày 12/11/2012 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0106032097 issued on 12 November 2012 by BRO-DPI Hanoi*	8 Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No 8 Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho, Hai Ba Trung,*	0	0%	Sở hữu một phần vốn góp *Owning a portion of capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					Hanoi Vietnam			
3.8.	CTCP Phát triển sản xuất và Thương mại Hoàng Ân *Hoang An Production Development and Trade Joint Stock Company*		Không. *None.*	0104785962 cấp ngày 07/07/2010 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0104785962 issued on 07 July 2010 by BRO-DPI Hanoi*	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam*	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*
3.9.	CTCP Thực phẩm W&E *W & E Food Joint Stock Company*		Giám đốc / Người đại diện theo pháp luật *Director / Legal Representative*	0107343546 cấp ngày 04/03/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở	Số 105A nhà F6 Khu tập thể Xả Phòng, Đường Nguyễn Trãi -	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				KHĐT TP Hà Nội *0107343546 issued on 04 March 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội. *No 105A, F6, KTT Xa Phong, Nguyen Trai, Thuong Dinh Thanh Xuan, Hanoi*			
3.10.	CTCP Quince Việt Nam *Quince Vietnam Joint Stock Company*		Không. *None.*	0107275705 cấp ngày 31/12/2015 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107275705 issued on 31 December 2015*	Số 11, ngách 9/2 Đặng Thai Mai - Phường Quảng An - Quận Tây Hồ - Hà Nội. *No 11, Lane 9/2 Dang Thai Mai, Quang*	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				by BRO-DPI Hanoi	*An, Tay Ho, Hanoi*			
3.11.	Công ty TNHH Combo Home Việt Nam *Combo Home Vietnam Company Limited*		Không. *None.*	0109023830 cấp ngày 16/12/2019 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0109023830 issued on 16 December 2019 by BRO-DPI Hanoi*	Nhà số 4/50 ngõ 1194 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *4/50 Lane 1994 Lang, Lang Thuong Ward, Dong Da, Hanoi, Vietnam*	0	0%	Sở hữu một phần vốn góp *Owning a portion of capital*
3.12.	CTCP Đầu tư Bất động sản Relax House *Relax House Real Estate*		Không. *None.*	0109394472 cấp ngày 28/10/2020 bởi Phòng ĐKKD – Sở	Tầng 3, nhà D, Tòa văn phòng VINACONEX 1, 289A Khuất Duy Tiến,	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Investment Joint Stock Company			KHĐT TP Hà Nội *0109394472 issued on 28 October 2020 by BRO-DPI Hanoi*	Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội *F3, Building D, Vinaconex1 Office Building, 298A Khuat Duy Tien, Trung Hoa, Cau Giay, Hanoi*			
3.13.	CTCP Golden Gate Partners *Golden Gate Partners Joint Stock Company*		Thành viên HĐQT *Board Member*	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội *0106577012 issued on 19*	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	3.375.690	43,50%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				June 2014 by BRO-DPI Hanoi	*No. 10, Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam.*			
3.14.	CTCP Two Kings Invest *Two Kings Invest Joint Stock Company*		Thành viên HĐQT *Board Member*	0107600793 cấp ngày 17/10/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107600793 issued on 17 October 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số nhà 43, lô đất TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *No 43, TT4 KTDC 7.3 and 8.1 My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem, Hanoi, Vietnam*	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
3.15.	Công ty TNHH Two Kings Distribution *Two Kings Distribution Co., Ltd*		None *Không có*	0107655545 cấp ngày 05 tháng 12 năm 2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội *0107655545 issued on December 12th 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Tầng 1, số nhà 43, lô đất số TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam. *1st floor, house number 43, land lot number TT4, resettlement area 7.3 and 8.1, My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, City. Hanoi Vietnam.*	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp *Indirectly owning capital*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
3.16.	Công ty TNHH Two Kings – Services *Two Kings – Services Company Limited*		Không có *None*	0109186017 cấp ngày 18 tháng 5 năm 2020 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội *0109186017 issued on May 18th 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Số 1 Ngách 3/11 Phố Phạm Tuấn Tài, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam *No. 1 Lane 3/11 Pham Tuan Tai Street, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, City. Hanoi Vietnam*	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp *Indirectly owning capital*
3.17.	Công ty TNHH Vostochnyi-		Không có *None*	0105934582 cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012 bởi Phòng ĐKKD –	Tầng 6, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Alyans Việt Nam *Vostochnyi-Alyans Vietnam Co., Ltd*			Sở KHĐT, TP Hà Nội *0105934582 issued on July 4th 2012 by BRO-DPI Hanoi*	Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. *Floor 6, Building 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam.*			*Indirectly owning capital*
3.18.	CTCP The Concept House *The Concept House Joint Stock Company*	-	Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD*	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107729860 issued on 21 February 2017*	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				by BRO-DPI Hanoi	phố Hà Nội, Việt Nam *6th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam*			
3.19.	CTCP Golden Sakura *Golden Sakura Joint Stock Company*		Đại diện theo pháp luật/ Đại diện phần vốn *Legal representative/ Representative of contributed capital*	0106863239 cấp ngày 28/05/2015 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội *0106863239 issued on 28 May*	Tầng 1, tòa nhà Sunrise Building, D11 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành	0	0%	Sở hữu cổ phần *Owning shares*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				2015 by BRO-DPI Hanoi	phố Hà Nội, Việt Nam *F1, Sunrise Building, D11 Cau Giay New Urban Area, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam*			
3.20.	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots *Golden Gate Red Hots Company Limited*	-	Đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM *0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City*	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Pham Van Dong, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam			
3.21.	Công ty TNHH giải pháp nguồn nhân lực Golden Stars (Tên cũ: Công ty TNHH MTV The Coffee Inn) *Golden Stars Human*		Đại diện theo pháp luật/ Chủ tịch Công ty *Legal representative/ Company's Chairman*	0107608351 cấp ngày 24/10/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội *0107608351 issued on 24 October 2016 by BRO-DPI Hanoi*	Lô 38H Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Lot 38H Quang Minh*	0	0%	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Resource Solutions Company Limited (Former name: The Coffee Inn Co., Ltd.)				*Industrial Zone, Quang Minh Town, Me Linh District, Hanoi City, Vietnam*			
4.	**Ông Dickson Loo Tit Choon** ***Mr. Dickson Loo Tit Choon***		**Thành viên HĐQT** ***Board Member***	-	-	**0**	**0%**	-
4.1.	Gayle Ong Hui-Hoen		Không. *None.*	-	-	0	0%	Vợ *Wife*
4.2.	Matthew Declan Loo		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con *Child*
4.3.	Chloe Isabel Loo		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con *Child*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
4.4.	Tay Seck Khoon		Không. *None.*	-	-	0	0%	Mẹ đẻ *Mother*
4.5.	Jeanny Ng		Không. *None.*	-	-	0	0%	Mẹ vợ *Mother-in-law*
4.6.	Terence Loo		Không. *None.*	-	-	0	0%	Anh/Em ruột *Brother*
4.7.	Vikram Nair		Không. *None.*	-	-	0	0%	Anh/Em rể *Brother-in-law*
4.8.	Faye Ong		Không. *None.*	-	-	0	0%	Chị/ em dâu *Sister-in-law*
5.	**Bà Đào Phương Lan** ***Mrs. Dao Phuong Lan***		**Thành viên HĐQT** ***Board Member***	-	-	**0**	**0%**	**Đến ngày 27/6/2024** ***Until 27 June 2024***
5.1.	Trịnh Ngọc Phan *Mr. Trinh Ngoc Phan*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Chồng *Husband*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
5.2.	Đào Trường Thắng *Mr. Dao Truong Thang*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Bố đẻ *Father*
5.3.	Nguyễn Thị Phương Mai *Mrs. Nguyen Thi Phuong Mai*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Mẹ đẻ *Mother*
5.4.	Đào Hữu An *Mr. Dao Huu An*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Em ruột *Brother*
5.5.	Trịnh Kiên Thành *Trinh Kien Thanh*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con ruột *Son*
5.6.	Trịnh Vũ Dương *Trinh Vu Duong*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Con ruột *Son*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
5.7.	Trịnh Đình Hưng *Mr. Trinh Dinh Hung*		Không. *None.*	-	-	0	0%	Bố Chồng *Father-in-law*
5.8.	Nguyễn Thị Hồng Hà Mrs. Nguyen Thi Hong Ha		Không. *None.*	-	-	0	0%	Mẹ chồng *Mother-in-law*
6.	**Nguyễn Phương Lan** ***Mrs. Nguyen Phuong Lan***		**Giám đốc tài chính** ***CFO***	-	-	**14.800**	**0,19%**	-
6.1.	Lê Công Tiến *Mr. Le Cong Tien*		Không. *None*	-	-	0	0%	Chồng *Husband*
6.2.	Lê Công Khanh *Le Cong Khanh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Con *Son*
6.3.	Lê Công Khôi		Không.	-	-	0	0%	Con

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Le Cong Khoi		*None*					*Son*
6.4.	Lê Thị Minh Phương *Mrs. Le Thi Minh Phuong*		Không. *None*	-	-	0	0%	Mẹ đẻ *Mother-in-law*
6.5.	Lê Công Thành *Mr. Le Cong Thanh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Bố chồng *Father-in-law*
6.6.	Phan Thị Tám *Mrs. Phan Thi Tam*		Không. *None*	-	-	0	0%	Mẹ chồng *Mother-in-law*
6.7.	Nguyễn Phương Ly *Ms. Nguyen Phuong Ly*		Không. *None*	-	-	681	0,01%	Em gái *Sister*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
6.8.	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Techcom *Techcom Equity Fund*		Chủ tịch Ban Đại Diện *Chairman of the Board of Representative*			0	0%	Chủ tịch Ban Đại Diện *Chairman of the Board of Representative*
6.9.	Quỹ Đầu tư Bất động sản Techcom Việt Nam *Tehcom Vietnam Reit Fund*		Thành viên Ban Đại Diện *Member of the Board of Representative*			0	0%	Thành viên Ban Đại Diện *Member of the Board of Representative*
6.10.	Quỹ ETF Techcom Capital VNX50		Chủ tịch Ban Đại Diện *Chairman of the Board of Representative*			0	0%	Chủ tịch Ban Đại Diện *Chairman of the Board of Representative*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
7.	**Nguyễn Mạnh Đức** ***Mr. Nguyen Manh Duc***		Kế toán trưởng *Chief Accountant*		-	**1.439**	**0,02%**	-
7.1.	Hoàng Thị Mai *Mrs. Hoang Thi Mai*		Không. *None*	038177000130, cấp ngày 10/07/2021, bởi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *038177000130, issued on 10 July 2021, by the Police Department for Administrative Management of Social Order.*	P1007, Cc Green Diamond, 93 Láng Hạ, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội *Room 1007, Green Diamond Building, 93 Lang Ha, Lang Ha, Dong Da, Hanoi*	0	0%	Vợ *Wife*
7.2.	Nguyễn Hoàng Vinh		Không. *None*	001210062656 cấp ngày	P1007, Cc Green Diamond, 93	0	0%	Con *Son*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Nguyen Hoang Vinh			20/08/2024, bởi Bộ Công An *001210062656, issued on 20 August 2024, by the Ministry of Public Security*	Láng Hạ, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội *Room 1007. Green Diamond Building, 93 Lang Ha, Lang Ha, Dong Da, Hanoi*			
7.3.	Nguyễn Hoàng Minh *Mr. Nguyen Hoang Minh*		Không. *None*	001217047776 cấp ngày 20/08/2024, bởi Bộ Công An *001217047776, issued on 20 August 2024, by the Ministry of Public Security*	P1007, Cc Green Diamond, 93 Láng Hạ, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội *Room 1007. Green Diamond Building, 93 Lang Ha,*	0	0%	Con *Son*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
					Lang Ha, Dong Da, Hanoi			
7.4.	Nguyễn Mạnh Viển *Mr. Nguyen Manh Vien*		Không. *None*	033050002126 ,cấp ngày 03/04/2021 bởi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *033050002126, issued on 03 April 2021, by the Police Department for Administrative Management of Social Order.*	Tổ 2, Bằng A, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội/ *Group 2, Bang A, Hoang Liet, Hoang Mai, Hanoi*	0	0%	Bố đẻ *Father*
7.5.	Trần Thị Duyện		Không. *None*	033152002301, cấp ngày 03/04/2021 bởi	Tổ 2, Bằng A, Hoàng Liệt, Hoàng Mai,	0	0%	Mẹ đẻ *Mother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mrs. Tran Thi Duyen			Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *033152002301, issued on 03 April 2021, by the Police Department for Administrative Management of Social Order.*	Hà Nội/ *Group 2, Bang A, Hoang Liet, Hoang Mai, Hanoi*			
7.6.	Hoàng Văn Tần *Mr. Hoang Van Tan*		Không. *None*	038050005587, cấp ngày 24/04/2021 bởi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *038050005587, issued on 24 April 2021, by*	Phòng 1607, nhà A, chung cư T608, số 643 A Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội/ *Room 1607, Building A, Apartment T608, No. 643*	0	0%	Bố vợ *Father-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
				the Police Department for Administrative Management of Social Order.	*A Pham Van Dong, Co Nhue 1 Ward, Bac Tu Liem District, Hanoi*			
7.7.	Nguyễn Thị Hồng *Mrs. Nguyen Thi Hong*		Không. *None*	038150005981, cấp ngày 30/04/2021 bởi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *038150005981, issued on 30 April 2021, by the Police Department for Administrative Management of Social Order.*	Phòng 1607, nhà A, chung cư T608, số 643 A Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội/ *Room 1607, Building A, Apartment T608, No. 643 A Pham Van Dong, Co Nhue 1 Ward, Bac Tu Liem District, Hanoi*	0	0%	Mẹ vợ *Mother-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
7.8.	Nguyễn Thị Hải Yến *Ms. Nguyen Thi Hai Yen*		Không. *None*	033177004508, cấp ngày 03/04/2021 bởi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *033177004508, issued on 03 April 2021, by the Police Department for Administrative Management of Social Order.*	Tổ 2, Bằng A, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội/ *Group 2, Bang A, Hoang Liet, Hoang Mai, Hanoi*	0	0%	Em ruột *Sister*
8.	**Lê Quốc Tuấn** ***Mr. Le Quoc Tuan***		Trưởng Ban Pháp chế / Người được ủy quyền công bố thông tin	-	-	**981**	**0,01%**	-

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
			Head of Legal / Authorized spokesperson					
8.1.	Nguyễn Thị Cẩm Hường *Mrs. Nguyen Thi Cam Huong*		Không. *None*	-	-	0	0%	Vợ *Wife*
8.2.	Lê Quốc Minh *Le Quoc Minh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Con đẻ *Son*
8.3.	Lê Nguyễn Bảo Anh *Le Nguyen Bao Anh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Con đẻ *Daughter*
8.4.	Lê Quang Dậu *Mr. Le Quang Dau*		Không. *None*	-	-	0	0%	Bố đẻ *Father*
8.5.	Phạm Thị Khuê		Không. *None*	-	-	0	0%	Mẹ đẻ *Mother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mrs. Pham Thi Khue							
8.6.	Lê Tuấn Anh *Mr. Le Tuan Anh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Anh ruột *Brother*
8.7.	Lê Mỹ Hạnh *Mrs. Le My Hanh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Chị dâu *Sister-in-law*
8.8.	Lê Việt Anh *Mr. Le Viet Anh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Anh ruột *Brother*
8.9.	Lê Thúy Hoa *Mrs. Le Thuy Hoa*		Không. *None*	-	-	0	0%	Chị dâu *Sister in law*
8.10.	Lê Ngọc Anh *Ms. Le Ngoc Anh*		Không. *None*	-	-	0	0%	Em ruột *Sister*
8.11.	Lưu Kim Hương		Không. *None*	-	-	0	0%	Mẹ vợ *Mother-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mrs. Luu Kim Huong							
8.12.	Nguyễn Văn Hậu *Nguyen Van Hau*		Không. *None*	-	-	0	0%	Anh vợ *Brother-in-law*
8.13.	Nguyễn Thị Cẩm Loan *Nguyen Thi Cam Loan*		Không. *None*	-	-	0	0%	Em vợ *Sister-in-law*
9.	**Bà Hoàng Thu Hương** ***Mrs. Hoang Thu Huong***		**Người phụ trách quản trị công ty** ***Person in charge of corporate governance***	-	-	**521**	**0,01%**	-
9.1.	Nguyễn Tuấn Nam *Mr. Nguyen Tuan Nam*		Không. *None*	-	-	0	0%	Chồng *Husband*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
9.2.	Hoàng Văn Phức *Mr. Hoang Van Phuc*		Không. *None*	-	-	0	0%	Bố ruột *Father*
9.3.	Phạm Mỹ Dung *Ms. Pham My Dung*		Không. *None*			0	0%	Mẹ ruột *Mother*
9.4.	Nguyễn Văn Thịnh *Mr. Nguyen Van Thinh*		Không. *None*			0	0%	Bố chồng *Father-in-law*
9.5.	Trần Thị Minh Hạnh *Ms. Tran Thi Minh Hanh*		Không. *None*			0	0%	Mẹ chồng *Mother-in-law*
9.6.	Hoàng Thu Trang *Ms Hoang Thu Trang*		Không. *None*			0	0%	Chị gái *Sister*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
9.7.	Mr. Elias Osio		Không. *None*			0	0%	Anh rể *Brother-in-law*
9.8.	Nguyễn Hoàng Minh *Mr. Nguyen Hoang Minh*		Không *None*			0	0%	Con trai *Son*
10.	**Nguyễn Anh Vũ**		**Thành viên HĐQT** ***BOD Member***			0	0%	
10.1	Đặng Thị Việt Anh *Ms. Dang Thi Viet Anh*		Không *None*			0	0%	Vợ *Wife*
10.2	Nguyễn Anh Minh *Mr. Nguyen Anh Minh*		Không *None*			0	0%	Con *Son*
10.3	Nguyễn Vũ Quang Nam		Không *None*			0	0%	Con *Son*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Contact Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Notes*
	Mr. Nguyen Vu Quang Nam							
10.4	Nguyễn Anh Tuấn *Mr. Nguyen Anh Tuan*		Không *None*			0	0%	Bố ruột *Father*
10.5	Đinh Thị Vân Anh *Mrs. Dinh Thi Van Anh*		Không *None*			0	0%	Mẹ ruột *Mother*
10.6	Nguyễn Thị Xuân Tuyên *Mrs. Nguyen Thi Xuan Tuyen*		Không *None*			0	0%	Mẹ vợ *Mother-in-law*
10.7	Đặng Trần Quang *Mr. Dang Tran Quang*		Không *None*			0	0%	Bố vợ *Father-in-law*

2. **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company***

STT *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)*
			Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	
1	Đào Thế Vinh	Là người nội bộ - Tổng giám đốc *Internal person - CEO*	406.684	5,24%	440.009	5,65%	Nhận chuyển nhượng và mua cổ phiếu ESOP *Purchase of shares and ESOP shares*
2	Trần Việt Trung	Là người nội bộ - Chủ tịch HĐQT *Internal person – Chairman of BOD*	176.020	2,27%	387.331	4,97%	Nhận chuyển nhượng *Purchase of shares*
3	Nguyễn Thị Thắng	Là người nội bộ - Vợ Chủ tịch HĐQT *Internal person – Wife of Chairman of BOD*	0	0%	250.000	3,21%	Nhận chuyển nhượng *Purchase of shares*
4	Nguyễn Xuân Tường	Là người nội bộ - Phó Tổng Giám đốc *Internal person - Deputy General Director*	235.439	3,03%	849.629	10,90%	Nhận chuyển nhượng *Purchase of shares*

STT *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)*
			Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	
5	Nguyễn Phương Lan	Là người nội bộ - Giám đốc Tài chính *Internal person - CFO*	10.200	0,13%	14.800	0,19%	Nhận chuyển nhượng và mua cổ phiếu ESOP *Purchase of shares and ESOP shares*
6	Nguyễn Mạnh Đức	Là người nội bộ - Kế toán trưởng *Internal person – Chief Accountant*	701	0,01%	1.439	0,02%	Nhận chuyển nhượng và mua cổ phiếu ESOP *Purchase of shares and ESOP shares*
7	Lê Quốc Tuấn	Là người nội bộ - Người được ủy quyền công bố thông tin *Internal person - Authorized spokesperson*	1.088	0,01%	981	0,01%	Nhận chuyển nhượng và mua cổ phiếu ESOP, chuyển nhượng cổ phiếu *Purchase of shares and ESOP shares, sale of shares*
8	Hoàng Thu Hương	Là người nội bộ - Người phụ trách quản trị công ty *Internal person - Person in charge of*	359	0,005%	521	0,01%	Nhận chuyển nhượng và mua cổ phiếu ESOP *Purchase of shares and ESOP shares*

STT *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)*
			Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	
		corporate governance					

VIII. Các vấn đề cần lưu ý khác/*Other significant issues*

Không có.

Nơi nhận:
Recipients:
- Lưu: VT, QHCĐ
- Archived: Admin, IR

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE
GOLDEN GATE GROUP JSC
M.S.D.N 0102122191

TRẦN VIỆT TRUNG